TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI

PHÒNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ HỌC TẬP LỚP 64DCDT02
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2016-2017

STT	SINH VIÊN / HỌC PHẦN				DC3DT64_An ninh mạng thông tin (3)		DC2DT45_Cơ sở điều khiển tự động (3)		DC3DT62_Đồ án Mạng viễn thông (2)		DC1LL04_Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản		DC2TT35_Lập trình hướng đối tượng C++ (3)		DC3DT61_Mạng viễn thông (4)		DC3DT74_Thông tin quang (3)		DC1CB32_Tiếng Anh 2 (4)		DC3DT33_Tiếng Anh 3 (3)		Tổng số HP thi lại	Tiền thi lại
	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ		270,000
1	64DCDT3075	Hồ Hữu Trung	Anh	24/03/1995	7.2	B			7.5	B	4.2	D			6.1	C+	7.1	B	7.3	B				
2	64DCDT3077	Nguyễn Tuấn	Anh	18/12/1994	8.5	A			7.9	B	6.8	C+			6.9	C+	8.3	B+			6.9	C+		
3	64DCDT3136	Nguyễn Hữu	Cảnh	07/08/1995	9.1	A			8.2	B+	7.5	B			7.3	B	8.0	B+			7.3	B		
4	64DCDT3066	Doãn Tiến	Cao	25/02/1995	6.6	C+			7.5	B	4.8	D			3.1	F	4.8	D			0.0	F	1	15,000
5	64DCDT3157	Nguyễn Đức	Du	12/12/1995	9.4	A			10	A	6.6	C+			8.6	A	7.2	B			5.6	C		
6	64DCDT3093	Đặng Thị Thùy	Dương	25/06/1995	7.9	B			7.9	B	8.6	A			7.4	B	7.5	B			7.5	B		
7	64DCDT3090	Nguyễn Hoàng	Dương	27/07/1995	9.1	A			10	A	6.8	C+			7.7	B	7.6	B			8.2	B+		
8	64DCDT3193	Phạm Viết	Giáp	16/04/1994	6.7	C+	4.2	D	8.6	A	1.4	F	7.4	B	5.6	C					1.5	F	2	30,000
9	64DCDT3080	Trần Ngọc	Hà	01/02/1995	8.2	B+			8.6	A	2.8	F					2.6	F			2.0	F	3	45,000
10	64DCDT3125	Trần Thị	Hà	20/05/1995	7.9	B			7.9	B	8.0	B+			8.0	B+	7.0	B			8.4	B+		
11	64DCDT3126	Chu Đình	Hải	27/03/1994	5.8	C	4.0	D	7.5	B	5.0	D+			5.8	C	6.9	C+	7.3	B				
12	64DCDT3102	Lê Trọng	Hiếu	23/11/1995	7.5	B			9.7	A	6.9	C+			5.5	C	7.1	B			6.4	C+		
13	64DCDT3172	Trần Trung	Hiếu	11/08/1995	8.8	A			9.2	A	5.2	D+			7.7	B	8.4	B+			6.9	C+		
14	64DCDT3088	Nguyễn Quang	Hóa	04/10/1995	9.7	A			8.2	B+	7.3	B			9.4	A	7.6	B			6.2	C+		
15	64DCDT3048	Đào Công	Hoàn	09/03/1994	6.7	C+	3.1	F	7.9	B	5.7	C					6.2	C+			6.4	C+	1	15,000
16	64DCDT3056	Đặng Duy	Hoàng	08/01/1995	7.6	B			8.6	A	6.5	C+			7.9	B	6.4	C+			6.5	C+		
17	64DCDT3159	Hà Văn	Hùng	22/09/1994	9.3	A			9.9	A	5.0	D+			9.2	A	8.6	A			7.3	B		
18	64DCDT3135	Đặng Đức	Huy	20/09/1995	7.4	B			9.0	A	3.7	F			1.9	F	7.3	B			7.2	B	2	30,000
19	64DCDT3074	Nguyễn Thị	Huyền	08/10/1995	9.3	A			8.9	A	7.3	B			9.2	A	9.3	A			8.3	B+		
20	64DCDT3160	Trần Thị	Hương	18/11/1995	9.1	A			8.2	B+	4.6	D			8.2	B+	8.3	B+			7.4	B		
21	64DCDT3078	Nguyễn Quốc	Khánh	10/05/1995	0.0	F	3.0	F	7.5	B	5.3	D+	7.0	B	5.4	D+	7.7	B			6.6	C+	1	15,000
22	64DCDT3100	Đặng Thị Khánh	Linh	20/11/1995	8.8	A	3.0	F	8.0	B+	5.2	D+					8.3	B+			3.6	F	2	30,000
23	64DCDT3096	Nguyễn Thị	Linh	03/05/1995	9.1	A			8.6	A	6.9	C+			9.4	A	9.1	A			7.4	B		
24	64DCDT3205	Nguyễn Thùy	Linh	18/03/1994	8.9	A	3.1	F	7.9	B	5.4	D+			6.1	C+	8.9	A			5.7	C	1	15,000
25	64DCDT3069	Trần Thùy	Linh	04/01/1995	9.5	A			8.6	A	7.1	B			6.6	C+	9.1	A			6.8	C+		
26	64DCDT3079	Đỗ Văn	Lưỡng	27/10/1994	8.1	B+			7.5	B	5.8	C			6.0	C+	2.2	F	5.6	C			1	15,000
27	64DCDT3083	Lê Văn	Mạnh	15/07/1995	8.7	A			7.9	B	6.4	C+			6.5	C+	8.1	B+			7.3	B		
28	64DCDT3117	Phạm Tuấn	Minh	18/06/1994	9.3	A			8.2	B+	7.9	B			7.7	B	7.0	B			6.1	C+		
29	64DCDT3085	Trần Quang	Minh	04/01/1994	4.1	D	6.2	C+	7.9	B	8.4	B+			6.2	C+	6.4	C+			7.0	B		
30	64DCDT3164	Đào Thị	Na	28/08/1995	9.1	A			8.3	B+	8.5	A			6.1	C+	8.1	B+			6.6	C+		
31	64DCDT3153	Bùi Quang	Ngọc	23/03/1994	7.7	B			9.2	A	7.8	B			7.3	B	6.4	C+			5.5	C		

STT	SINH VIÊN / HỌC PHẦN				DC3DT64_An ninh mạng thông tin (3)		DC2DT45_Cơ sở điều khiển tự động (3)		DC3DT62_Đồ án Mạng viễn thông (2)		DC1LL04_Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản		DC2TT35_Lập trình hướng đối tượng C++ (3)		DC3DT61_Mạng viễn thông (4)		DC3DT74_Thông tin quang (3)		DC1CB32_Tiếng Anh 2 (4)		DC3DT33_Tiếng Anh 3 (3)														Tổng số HP thi lại	Tiền thi lại
	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ																270,000
32	64DCDT3089	Nguyễn Tuấn	Phong	06/02/1994	7.1	B			8.9	A	7.8	B			6.6	C+	7.2	B	5.1	D+																		
33	64DCDT3086	Đoàn Văn	Phòng	27/10/1995	6.9	C+	5.4	D+	7.5	B	6.6	C+	7.1	B	3.9	F	7.5	B			4.5	D															1	15,000
34	64DCDT3099	Nguyễn Văn	Phương	17/01/1995	3.6	F			8.6	A	8.0	B+			6.6	C+	7.5	B			5.3	D+															1	15,000
35	64DCDT3076	Lê Bảo	Sang	24/12/1993	9.6	A			10	A	7.3	B			7.8	B	8.1	B+			6.9	C+																
36	64DCDT3084	Nguyễn Văn	Tài	02/02/1994	0.0	F	0.0	F	7.5	B	4.1	D			6.5	C+	5.9	C	1.9	F																	1	15,000
37	64DCDT3065	Hoàng Trí	Thảo	03/03/1994	9.5	A			8.2	B+	6.1	C+			8.7	A	6.9	C+			7.3	B																
38	64DCDT3098	Trần Mạnh	Thắng	17/10/1995	6.9	C+	5.4	D+	7.9	B	6.0	C+			6.4	C+	6.2	C+	6.5	C+																		
39	64DCDT3139	Đinh Thị	Thủy	17/04/1995	9.1	A			8.6	A	6.5	C+			6.3	C+	6.7	C+			4.3	D																
40	64DCDT3067	Nguyễn Đắc	Tiền	11/09/1995	8.7	A			9.0	A	7.2	B			7.1	B	8.1	B+			8.3	B+																
41	64DCDT3134	Cao Văn	Tiệp	20/03/1995	8.9	A			9.3	A	7.2	B			9.5	A	8.3	B+			6.9	C+																
42	64DCDT3073	Ngô Thị	Tính	02/06/1994	9.7	A			8.6	A	5.5	C			9.4	A	7.6	B			4.4	D																
43	64DCDT3191	Nguyễn Trí	Tú	07/01/1995	8.3	B+			8.9	A	5.5	C			5.7	C	6.8	C+			4.1	D																
44	64DCDT3146	Nguyễn Anh	Tùng	10/08/1995	8.9	A			7.9	B	5.1	D+			5.7	C	6.6	C+			4.5	D																
45	64DCDT3070	Nguyễn Doanh	Tuyên	11/12/1994	9.0	A	4.5	D	9.0	A	2.3	F			8.6	A	7.9	B			6.1	C+															1	15,000
46	64DCDT3082	Đoàn Thị	Tuyền	14/05/1995	9.4	A			8.9	A	5.8	C			6.4	C+	6.3	C+			5.5	C																